



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ

Đơn vị tổ chức đào tạo: **Khoa Truyền thông & Văn hoá đối ngoại**

Phòng D601-D607, Email: khoatruyenthongquoccte@dav.edu.vn

❖ Mục tiêu

Chương trình đào tạo Cử nhân ngành Truyền thông quốc tế đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, có khả năng tham gia hiệu quả vào các hoạt động truyền thông đối ngoại, quảng bá hình ảnh quốc gia, lan tỏa tri thức và phục vụ nhu cầu của xã hội về truyền thông trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Chương trình được thiết kế theo định hướng nghề nghiệp, trang bị cho người học nền tảng kiến thức toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật, an ninh – quốc phòng và quan hệ quốc tế; kiến thức chuyên sâu theo hai định hướng: Truyền thông quốc tế và Truyền thông marketing quốc tế. Sinh viên được phát triển kỹ năng nghề nghiệp vững chắc, tư duy phản biện, khả năng thích ứng với thay đổi và môi trường chuyển đổi số; thành thạo ít nhất một ngoại ngữ, có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng liên ngành, làm chủ công nghệ truyền thông hiện đại trong thực tiễn truyền thông. Chương trình cũng chú trọng bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng, năng lực sáng tạo, nghiên cứu và khởi nghiệp; đồng thời rèn luyện thể chất, đảm bảo sức khỏe để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong môi trường áp lực cao.

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể đảm nhiệm nhiều vị trí nghề nghiệp trong lĩnh vực truyền thông quốc tế tại các cơ quan báo chí – truyền thông, tổ chức chính phủ và phi chính phủ, doanh nghiệp trong và ngoài nước, tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện ngoại giao; tham gia nghiên cứu, giảng dạy hoặc khởi nghiệp trong lĩnh vực truyền thông – sáng tạo... Người học cũng có nền tảng vững chắc để tiếp tục học tập nâng cao trình độ hoặc phát triển chuyên môn sâu trong các lĩnh vực liên quan.

❖ Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo cử nhân ngành Truyền thông quốc tế, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

STT	MÃ CDR	NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA	Trình độ năng lực
2.1. KIẾN THỨC			
1	PLO1	Giải thích được những khái niệm và nội dung cơ bản khoa học Mác - Lê nin; tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước	2/6
2	PLO2	Kết nối được các kiến thức chung về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn; kiến thức bổ trợ về quan hệ quốc tế, kinh tế quốc tế, luật quốc tế; kiến thức ngoại ngữ và tin học, công nghệ số để phục vụ hoạt động truyền thông quốc tế.	2/6
3	PLO3	Tích hợp các kiến thức chuyên môn, hiện đại và liên ngành về truyền thông nhằm giải quyết các tình huống nghề nghiệp một cách hiệu quả và phù hợp với bối cảnh thực tiễn	3/6
4	PLO4	Vận dụng được các kiến thức lý thuyết chuyên sâu và thực tiễn về truyền thông quốc tế gồm hệ thống lý thuyết truyền thông, phương pháp nghiên cứu, mô hình triển khai, quy trình nghiệp vụ và quy tắc sản xuất sản phẩm truyền thông; các kiến thức về văn hóa và ngoại giao văn hóa trong các hoạt động chuyên môn.	3/6
5	PLO5	Vận dụng kiến thức lý thuyết chuyên sâu và thực tiễn về truyền thông quốc tế hoặc truyền thông marketing quốc tế để xây dựng chiến lược, sản xuất nội dung và xử lý tình huống truyền thông thực tiễn.	5/6

2.2. KỸ NĂNG			
6	PLO6	Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo để phát hiện vấn đề, hình thành và phát triển ý tưởng truyền thông phù hợp với bối cảnh và mục tiêu truyền thông quốc tế.	3/5
7	PLO7	Vận dụng thành thạo các kỹ năng thu thập, thống kê, phân tích và tổng hợp thông tin; thực hiện nghiên cứu trong lĩnh vực truyền thông quốc tế; sản xuất nội dung truyền thông đa phương tiện phục vụ thực tiễn nghề nghiệp truyền thông và truyền thông marketing quốc tế.	4/5
8	PLO8	Phối hợp được các kỹ năng nhận diện, phân tích và đề xuất phương hướng giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực truyền thông quốc tế, truyền thông đối ngoại và truyền thông marketing quốc tế.	4/5
9	PLO9	Áp dụng hiệu quả và sáng tạo kỹ năng phát ngôn, thuyết trình, giao tiếp ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức chung và đạo đức nghề nghiệp, đúng quy định pháp luật, , để phục vụ công việc chuyên môn.	3/5
10	PLO10	Phát triển các kỹ năng xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các sự kiện, hoạt động truyền thông, truyền thông marketing, quan hệ công chúng, truyền thông đối ngoại và truyền thông văn hoá - xã hội về các vấn đề toàn cầu.	4/5
11	PLO11	Sử dụng thành thạo ít nhất 01 ngoại ngữ (trình độ tương đương B2, Khung tham chiếu châu Âu hoặc một chuẩn quốc tế khác tương đương) để giao tiếp và xử lý các nhiệm vụ chuyên môn như viết báo cáo, đọc, dịch, thuyết trình trong lĩnh vực truyền thông.	3/5
12	PLO12	Sử dụng thành thạo các thiết bị, phần mềm chuyên dụng và công cụ số, bao gồm trí tuệ nhân tạo (AI), để hỗ trợ nghiên cứu, sáng tạo nội dung và tối ưu hoá hiệu quả các hoạt động truyền thông trong môi trường số.	3/5

2.3. MỨC ĐỘ TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM			
13	PLO13	Phát huy tinh thần đổi mới sáng tạo; năng lực tự học, tự nghiên cứu; làm việc độc lập và làm việc nhóm; khả năng thích nghi nhanh với môi trường số và hội nhập quốc tế.	4/5
14	PLO14	Thể hiện năng lực tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ quan điểm cá nhân; khả năng phối hợp với các cá nhân và tổ chức trong hoạt động truyền thông quốc tế.	4/5
15	PLO15	Cam kết tuân thủ đạo đức, kỷ luật nghề nghiệp và pháp luật; tôn trọng sự khác biệt; có tinh thần trách nhiệm với tập thể; giữ vững lập trường tư tưởng, bảo vệ lợi ích quốc gia – dân tộc và phụng sự cộng đồng.	5/5

Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: Kỹ năng (1-5), Krathwohl: Đạo đức và trách nhiệm (1-5)

❖ CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc của chương trình đào tạo và khối lượng học tập

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	13	13	0
2	Khối kiến thức ngoại ngữ	24	15	09
3	Khối kiến thức bổ trợ	09	06	03
4	Khối kiến thức chuyên nghiệp	65	37	28
4.1	Kiến thức cơ sở khối ngành	08	04	04
4.2	Kiến thức cơ sở ngành *	18	18	0
4.3	Kiến thức ngành và định hướng chuyên sâu **	39	15	24
5	Hướng nghiệp và thực tập	05	05	0
6	Tốt nghiệp ***	09	09	0
	Tổng	125	85	40

2. Nội dung chương trình đào tạo

2.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 13 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Triết học Mác - Lênin	FC.001.03	03	Tiếng Việt
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	FC.002.02	02	Tiếng Việt
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	FC.003.02	02	Tiếng Việt
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	FC.004.02	02	Tiếng Việt
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	FC.005.02	02	Tiếng Việt
6	Pháp luật đại cương	IL.003.02	02	Tiếng Việt
7	Năng lực số*	IT.002.02	02	Tiếng Việt
8	Giáo dục thể chất*	AAD.001.03	03	Tiếng Việt
9	Giáo dục quốc phòng – an ninh*	AAD.002.08	08	Tiếng Việt

(*13 tín chỉ kiến thức đại cương không bao gồm các học phần Năng lực số, Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-an ninh)

2.2. Kiến thức ngoại ngữ: 24 tín chỉ

Sinh viên được học theo trình độ phù hợp (sơ cấp, trung cấp hoặc nâng cao) và được lựa chọn (có điều kiện ^(*)) học 01 ngoại ngữ (ngoại ngữ 1: 24 tín chỉ) hoặc 02 ngoại ngữ (ngoại ngữ 1: 15 tín chỉ và ngoại ngữ 2: 9 tín chỉ)

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Ngoại ngữ 1	24 hoặc 15	Ngoại ngữ 1
2	Ngoại ngữ 2	0 hoặc 09	Ngoại ngữ 2
<i>Đối với NN1, sinh viên lựa chọn học 1 trong 5 ngoại ngữ: tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Hàn. Đối với NN2, sinh viên có thể lựa chọn 1 trong các ngoại ngữ: tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Đức</i>			
<i>(*) Chỉ sinh viên có trình độ ngoại ngữ chính (NN1) từ trung cấp trở lên mới được lựa chọn học thêm ngoại ngữ thứ 2. Sinh viên có trình độ sơ cấp phải học đủ 24 tín chỉ ngoại ngữ 1.</i>			

(Xem thêm phụ lục Chương trình khung giảng dạy ngoại ngữ)

2.3. Kiến thức bổ trợ: 09 tín chỉ

2.3.1. Học phần bắt buộc: 06 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại	IR.005.03	03	Tiếng Việt
2	Chính sách đối ngoại Việt Nam	IR.046.03	03	Tiếng Việt

2.3.2. Học phần tự chọn: 03 tín chỉ

Sinh viên chọn 01 học phần trong số các học phần sau của Khối kiến thức bổ trợ. Các học phần bổ trợ được lựa chọn và đăng ký theo hình thức tín chỉ và phải hoàn thành trước khi kết thúc học kỳ VII.

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Kinh doanh quốc tế	IE.042.03	03	Tiếng Việt
2	Quan hệ kinh tế quốc tế	IE.006.03	03	Tiếng Việt
3	Công pháp quốc tế	IL.052.03	03	Tiếng Việt
4	Luật hiến pháp Việt Nam và các nước	IL.003.03	03	Tiếng Việt

2.4. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 68 tín chỉ

2.4.1. Kiến thức cơ sở khối ngành: 08 tín chỉ

A. Học phần kiến thức bắt buộc: 04 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Chính trị học đại cương	FC.010.02	02	Tiếng Việt
2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	IC.076.02	02	Tiếng Việt

B. Học phần kiến thức tự chọn: chọn 01 trong 02 học phần sau - 02 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Lịch sử văn minh thế giới	FC.007.02	02	Tiếng Việt
2	Xã hội học đại cương	FC.009.02	02	Tiếng Việt

C. Kỹ năng tự chọn: chọn 01 trong 02 học phần sau - 02 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Kỹ năng thuyết trình	IC.049.02	02	Tiếng Việt
2	Kỹ năng dẫn chương trình & sự kiện quốc tế	IC.084.02	02	Tiếng Việt

2.4.2. Kiến thức cơ sở ngành: 18 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Lý thuyết truyền thông	IC.008.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
2	Đại cương truyền thông quốc tế	IC.061.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
3	Đại cương quan hệ công chúng	IC.043.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
4	Phương pháp nghiên cứu truyền thông	IC.005.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
5	Pháp luật và đạo đức truyền thông	IC.068.03	03	Tiếng Việt
6	Nguyên lý marketing	MC.017.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh

2.4.3. Kiến thức ngành:**A. Học phần bắt buộc: 15 tín chỉ**

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Viết cho truyền thông quốc tế	IC.077.03	03	Tiếng Việt
2	Các phương tiện truyền thông hiện đại	IC.081.03	03	Tiếng Việt
3	Truyền thông số & trí tuệ nhân tạo AI	IC.079.03	03	Tiếng Việt
4	Xây dựng chiến lược truyền thông	IC.028.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
5	Xây dựng thương hiệu	IC.024.03	03	Tiếng Việt

B. Học phần tự chọn: 12 tín chỉ

Sinh viên lựa 04 học phần (03 tín chỉ) trong số các học phần sau:

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Báo chí & thông tin đối ngoại	IC.078.03	03	Tiếng Việt
2	Ngoại giao văn hóa	IC.010.03	03	Tiếng Việt
3	Toàn cầu hóa và giao tiếp liên văn hóa	IC.047.03	03	Tiếng Việt
4	Văn hoá truyền thông đại chúng	IC.004.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
5	Phát thanh và truyền hình trong bối cảnh số	IC.087.03	03	Tiếng Việt
6	Báo in và báo mạng - điện tử	IC.011.03	03	Tiếng Việt
7	Truyền thông và phát triển xã hội	IC.017.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
8	Công chúng của truyền thông	IC.106.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
9	Kỹ thuật nghiệp vụ truyền thông quốc tế	IC.086.03	03	Tiếng Việt
10	Ngoại giao số & trí tuệ nhân tạo	IC.082.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh

C. Học phần tự chọn theo định hướng chuyên sâu: 12 tín chỉ

Sinh viên chọn 01 (một) trong 02 (hai) định hướng chuyên sâu: **(1) Truyền thông quốc tế hoặc (2) Truyền thông Marketing quốc tế** với 04 học phần tự chọn trong số các học phần sau:

C1. Chuyên sâu Truyền thông quốc tế:

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Ngôn ngữ báo chí - truyền thông	IC.007.03	03	Tiếng Việt
2	Phân tích sự kiện quốc tế trên truyền thông	IC.045.03	03	Tiếng Việt
3	Phát ngôn đối ngoại & quan hệ với báo chí quốc tế	IC.080.03	03	Tiếng Việt
4	Sản xuất sản phẩm truyền thông quốc tế	IC.050.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
5	Tôn giáo và quan hệ quốc tế	IC.031.03	03	Tiếng Việt
6	Đất nước học & truyền thông quốc tế	IC.088.03	03	Tiếng Việt
7	Quản trị tổ chức sự kiện	IC.046.03	03	Tiếng Việt
8	Quản trị khủng hoảng truyền thông	IC.023.03	03	Tiếng Việt

C2. Chuyên sâu Truyền thông Marketing quốc tế :

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Truyền thông nội bộ và văn hoá tổ chức	MC.020.03	03	Tiếng Việt

2	Truyền thông marketing tích hợp	MC.016.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
3	Marketing số & trí tuệ nhân tạo AI	MC.018.03	03	Tiếng Việt /Tiếng Anh
4	Nghiên cứu thị trường	MC.003.03	03	Tiếng Việt
5	Quảng cáo	MC.015.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
6	Sản xuất sản phẩm quảng cáo	MC.019.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
7	Quản trị tổ chức sự kiện	IC.046.03	03	Tiếng Việt
8	Quản trị khủng hoảng truyền thông	IC.023.03	03	Tiếng Việt

2.5. Kiến thức hướng nghiệp và thực tập: 05 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Hướng nghiệp	IC.085.02	02	Tiếng Việt
2	Thực tập cuối khóa	IC.038.03	03	Tiếng Việt

2.6. Tốt nghiệp: 09 tín chỉ

Sinh viên tích lũy 09 tín chỉ khối kiến thức tốt nghiệp theo 01 trong 02 hình thức sau:

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Khóa luận tốt nghiệp (*) Hoặc	IC.037.10	09	Tiếng Việt hoặc Ngoại ngữ

2	Học 03 học phần tốt nghiệp: - Dự án truyền thông quốc tế/ truyền thông marketing quốc tế - 02 học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành 2.4.3, mục B hoặc mục C tương ứng với định hướng chuyên sâu đã chọn (**) 	IC.083.03	03	
			06	

(*) Số lượng sinh viên được chọn làm khóa luận tốt nghiệp sẽ được Khoa công bố vào đầu kỳ VII trên cơ sở kết quả học tập, năng lực của sinh viên và điều kiện về giảng viên hướng dẫn

(**) Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp có thể tích lũy **SỐM** 06 tín chỉ của các học phần tốt nghiệp thông qua việc lựa chọn học nhiều hơn số tín chỉ yêu cầu trong số các học phần tự chọn thuộc Kiến thức chuyên ngành mục 2.4.3 (mục B, C1 hoặc C2), với điều kiện đáp ứng được các điều kiện cần thiết (bao gồm: có nguyện vọng cá nhân, khả năng sắp xếp lịch học và Khoa có đủ điều kiện tổ chức lớp học phù hợp).

Trong trường hợp đến hết học kỳ VII, sinh viên vẫn chưa tích lũy 06 tín chỉ của các học phần tốt nghiệp nêu trên, sinh viên cần đăng ký học vào học kỳ VIII.

Lưu ý: Sinh viên cần nhắc về khả năng tốt nghiệp sớm của mình và chỉ chọn đúng số tín chỉ cần tích lũy trong CTĐT. Các sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp KHÔNG phải học các học phần tốt nghiệp, nên không cần tích lũy thêm tín chỉ.

Trường hợp sinh viên học nhiều hơn số tín chỉ trong CTĐT đồng nghĩa với việc sinh viên đăng ký và tự nguyện chi trả cho các học phần ngoài CTĐT